

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikagard® P 770 N

Lớp lót kết nối công nghệ Xolutec® cho các lớp phủ gốc nhựa Sikagard® và Sikalastic®.

MÔ TẢ

Sikagard® P 770 N là lớp lót kết nối 2 thành phần dựa trên công nghệ Xolutec®, có khả năng thẩm thấu tốt vào bề mặt nền và giúp gia tăng độ bám dính của các hệ thống phủ tiếp theo lên bề mặt nền, ví dụ: hệ thống Sikagard®-7000 CR.

Xolutec®

Durability by Design

Xolutec® là cách kết hợp thông minh và cải tiến các đặc tính hóa học bổ sung. Khi trộn vật liệu tại công trường, mạng lưới liên kết đan xen (XPN) được hình thành giúp tăng cường các đặc tính chung của vật liệu. Bằng cách kiểm soát mật độ liên kết, các đặc tính của Xolutec® có thể được điều chỉnh theo yêu cầu về tính năng sản phẩm, ví dụ: điều này cho phép tạo thành các loại vật liệu có độ cứng và linh hoạt khác nhau. Xolutec có rất ít các thành phần hữu cơ bay hơi (VOC), thi công nhanh và dễ dàng, tùy theo phương pháp yêu cầu cả phun máy và bằng tay. Vật liệu này khô cứng nhanh ngay cả ở nhiệt độ thấp giúp giảm thời gian thi công, cho phép nhanh chóng đưa trở lại hoạt động và giảm thiểu thời gian chờ. Công nghệ này không nhạy cảm với độ ẩm và có thể phù hợp với nhiều điều kiện công trường khác nhau, giúp mở rộng các ứng dụng và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan đến tiến độ và sự hư hại. Chu kỳ bảo trì dài và chi phí vòng đời giảm, giúp giảm đáng kể tổng chi phí cho chủ sở hữu.



ỨNG DỤNG

Sikagard® P 770 N được sử dụng làm lớp kết nối trên các bề mặt nền vật liệu khoáng cho các hệ thống được duyệt Sikagard® và Sikalastic®. Sản phẩm này giúp cải thiện độ bám dính và ngăn ngừa sự xuất hiện lỗ kim hoặc bọt khí trong lớp phủ tiếp theo. Sikagard® P 770 N chịu được độ ẩm và có thể thi công lên các bề mặt nền có độ ẩm cao.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Độ nhớt thấp.
- Dễ thi công.
- Thời gian thi công dài.
- Khả năng thẩm sâu tuyệt vời.
- Bịt kín lỗ rỗng và mao mạch.
- Chịu ẩm: có thể thi công trên bề mặt có độ ẩm cao.
- Bám dính tuyệt hảo với bề mặt nền.
- Không chứa dung môi.

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Khả năng kháng ăn mòn dài hạn với axit sulfuric sinh học (Viện Fraunhofer).

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Đóng gói	Phần A: 4.2 kg Phần B: 5.8 kg 10 kg/bộ
Hạn sử dụng	12 tháng nếu được lưu trữ đúng cách trong bao bì còn nguyên, chưa mở, và không hư hỏng.
Điều kiện lưu trữ	Sikagard® P 770 N phải được lưu trữ trong bao bì chứa nguyên vẹn, chưa mở nắp ở điều kiện khô ráo trong khoảng nhiệt độ tốt nhất 10 - 25°C. Bảo vệ khỏi sương giá và không lưu trữ lâu ở nhiệt độ trên +35°C.
Ngoại quan / Màu sắc	Chất lỏng màu ngà.
Tỷ trọng	Sau khi trộn ~1.23 g/cm ³ EN ISO 2811-1
Độ nhớt	Sau khi trộn 650 cps EN ISO 3219
Cường độ bám dính	Trên bê tông, 7 ngày ≥ 1.5 MPa hoặc phá hủy bê tông EN 1542

THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn	Phần A : Phần B (theo khối lượng) ~ 0.72 : 1
Định mức	~0.25 - 0.4 kg/m ² Định mức này chỉ là con số lý thuyết và có thể thay đổi theo độ hấp thụ và độ gồ ghề của lớp nền. Cần phải tiến hành thi công thử tại công trường để xác định định mức tiêu thụ chính xác trước khi thi công đại trà.
Nhiệt độ sản phẩm	+5 đến +35 °C
Nhiệt độ môi trường	+5 đến +35 °C
Độ ẩm không khí tương đối	Không giới hạn, nhưng không được có nước tụ trên bề mặt.
Điểm sương	Nhiệt độ bề mặt tiếp xúc phải cao hơn nhiệt độ điểm sương tối thiểu +3 °C.
Thời gian thi công	Ở +5 °C ≥ 60 phút Ở +10 °C ≥ 60 phút Ở +20 °C ~ 55 phút Ở +30 °C ~ 22 phút
Thời gian bảo dưỡng	Khô hoàn toàn ở +10°C sau 7 ngày Khô hoàn toàn ở +20°C sau 5 ngày Khô hoàn toàn ở +30°C sau 2 ngày
Thời gian chờ / Lớp phủ	Ở +10 °C ~ 14 giờ Ở +20 °C ~ 10 giờ Ở +30 °C ~ 5 giờ

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

- Không thi công ở nhiệt độ dưới +5°C hoặc trên +35°C.
- Sự phân tách phần A có thể xảy ra, đây không phải

lỗi sản phẩm và vật liệu có thể dễ dàng đồng nhất lại bằng cách trộn.

- Không thêm bất kỳ dung môi hay thành phần nào vào hỗn hợp Sikagard® P 770 N.

Chú ý: Vật liệu đã trộn còn lại chưa sử dụng có thể dẫn đến sự phát nhiệt mạnh trong thùng chứa. Khuyến cáo sử dụng hết vật liệu sau khi trộn!

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Cần tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường để xử lý sản phẩm hóa chất khi sử dụng sản phẩm này, ví dụ: không ăn, uống, hút thuốc trong khi đang làm việc với vật liệu và rửa tay khi nghỉ giữa giờ hay khi hoàn thành công việc. Có thể tìm thông tin an toàn cụ thể về xử lý và vận chuyển sản phẩm này trong Phiếu an toàn hóa chất. Phải tiến hành tiêu hủy sản phẩm và đồ chứa sản phẩm theo pháp luật địa phương hiện hành. Trách nhiệm đối với việc này thuộc về người sở hữu cuối cùng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Tất cả các lớp nền (cũ và mới) phải đặc chắc về kết cấu, khô, không có vữa xi măng và hạt rời, sạch dầu mỡ, các vết lún cao su, vết sơn và các tạp chất khác ảnh hưởng đến độ bám dính. Bề mặt bê tông phải được chuẩn bị bằng bắn bi làm sạch, phun tia nước cao áp hoặc phương pháp cơ học phù hợp khác. Sau khi chuẩn bị, các lớp nền bê tông và xi măng khác phải có độ bám dính tối thiểu là 1.5 N/mm² (giá trị đơn lẻ thấp nhất là 1.0 N/mm²). Đối với các bề mặt quá gồ ghề, không đồng nhất trên tường cần được làm phẳng bằng sản phẩm phù hợp, ví dụ: Sikagard®-720 EpoCem hoặc các sản phẩm sửa chữa thuộc hệ Sika MonoTop®. Trên sàn, cần sử dụng phương pháp sửa chữa và làm phẳng phù hợp, ví dụ: Sikagard®-720 EpoCem. Cần phải lấp kín các lỗ rỗng trên nền trước khi thi công lớp kết nối. Các phần kết nối Tường/Sàn phải được bo tròn bằng các sản phẩm phù hợp như Sikadur®-31 CF Normal, vữa Sikafloor®-161 HC, Sika MonoTop® R. Bề mặt nền phải khô rõ rệt. Nhiệt độ lớp nền tối thiểu là +5°C và tối đa +35°C. Nhiệt độ bề mặt tiếp xúc phải cao hơn nhiệt độ điểm sương ít nhất 3°C.

TRỘN

Lớp lót kết nối:

Mở nắp 2 thành phần sản phẩm và trộn riêng từng thành phần bằng máy trộn khoan cơ khí gắn cánh khuấy phù hợp ở tốc độ thấp (tối đa 400 vòng/phút) nhằm đạt độ đồng nhất.

Sau đó, đổ toàn bộ phần A vào thùng chứa phần B và trộn bằng máy trộn khoan cơ khí gắn cánh khuấy phù hợp ở tốc độ thấp (tối đa 400 vòng/phút) trong 90 giây.

Cạo sạch các thành và đáy thùng vài lần đảm bảo trộn hoàn toàn. Giữ cánh trộn ngập trong hỗn hợp để tránh tạo bọt khí.

Không trộn phần lẻ và không trộn bằng tay!

Chú ý: Vật liệu đã trộn còn lại chưa sử dụng có thể dẫn đến sự phát nhiệt mạnh trong thùng chứa. Khuyến cáo sử dụng hết vật liệu sau khi trộn!

Trộn lớp trát:

Thêm cát khô, mịn (0.1-0.3 mm) với tỷ lệ 1:1 theo khối lượng hỗn hợp Sikagard® P 770 N và trộn kỹ.

Sau đó, thêm 1% Sika Extender T tính theo khối

lượng Sikagard® P 770 N+ cát vào hỗn hợp nhằm đạt độ sệt "thixotropic". Thi công lớp trát dày tối đa 2mm.

Ví dụ: 5 kg cát + 5 kg Sikagard® P 770 N (A+B) + 100 g Sika Extender T.

THI CÔNG

Sau khi trộn xong, Sikagard® P 770 N có thể thi công bằng chổi, cọ hoặc con lăn lên bề mặt nền nhẵn, mịn đã chuẩn bị. Đối với phương pháp thi công phun Sikagard® P 770 N, vui lòng tham khảo tài liệu thi công Sikagard®-7000 CR.

Sikagard® P 770 N khi khô tạo nên lớp màng mỏng trong suốt (trong vòng 10 giờ ở 20°C). Trong trường hợp có những vị trí không được lớp kết nối phủ kín, vui lòng thi công lớp thứ hai. Đợi khoảng 10 giờ (ở 20°C) trước khi thi công các lớp phủ tiếp theo, ví dụ: Sikagard M 790.

Trong trường hợp bề mặt nền gồ ghề và yêu cầu phủ đầy các lỗ khí, cần thi công lớp trát trộn theo hướng dẫn như trên. Hỗn hợp có thể thi công dễ dàng lên các bề mặt bê tông sử dụng bàn xoa thép.

Thời gian đóng cứng của vật liệu bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ của môi trường, vật liệu và bề mặt nền. Ở nhiệt độ thấp, quá trình phản ứng hóa học xảy ra chậm hơn, điều này làm kéo dài thời gian sống, thời gian mở và thời gian cứng. Nhiệt độ cao làm tăng tốc phản ứng hóa học và rút ngắn thời gian sống, thời gian mở và thời gian cứng của sản phẩm. Để đóng cứng hoàn toàn, nhiệt độ vật liệu, bề mặt nền và thi công không nên xuống dưới giới hạn tối thiểu. Nhiệt độ bề mặt tiếp xúc cần phải cao hơn nhiệt độ điểm sương ít nhất 3°C.

Khuyến cáo hoàn tất việc thi công lớp phủ kế tiếp trên lớp kết nối trong thời gian chờ phủ. Nếu quá thời gian này, vui lòng liên hệ Sika để được tư vấn.

VỆ SINH

Có thể làm sạch dụng cụ bằng các chất làm sạch gốc dung môi khi còn ướt. Vật liệu đã đông cứng chỉ có thể vệ sinh bằng phương pháp cơ học.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

Bản chi tiết sản phẩm

Sikagard® P 770 N

Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 01.02

020303060020000024

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm

Sikagard® P 770 N
Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 01.02
020303060020000024

SikagardP770N-vi-VN-(08-2024)-1-2.pdf

